TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08-02-2021
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên

2. Bà Đỗ Thị Huê

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: không.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 237/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa được ấn định thời gian, địa điểm xét xử số 03/2021/TB-TA ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Niềm T - Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Bản N, xã VH, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Bản N, xã VH, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2020, bản tự khai ngày 24 tháng 12 năm 2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Niềm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 14 tháng 11 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H đi

làm xa không quan tâm đến gia đình không gửi tiền về nuôi con và không về thăm con. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Phương L, sinh ngày 23-9-2012 và cháu Hoàng Hữu T, sinh ngày 21-11-2014. Ly hôn anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tống đạt qua công an xã VH, huyện TY, tỉnh Yên Bái các thông báo của Toà án nhưng chị H vẫn không có mặt tại Toà án. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của chị H và Toà án không thể tiến hành hoà giải được.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Toà án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 14 tháng 11 năm 2011. Thời gian vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, chị H đi làm ăn nơi khác không gửi tiền về nuôi con, không quan tâm gì đến gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng chị H không đến Toà, không có bản khai, như vậy chị H đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng của bản thân. Dẫn đến hôn nhân giữa anh T và chị H ngày càng trầm trọng. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T xin ly hôn chị H là có cơ sở. Do đó có căn cứ cho anh T được ly hôn chị H theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Phương L, sinh ngày 23-9-2012 và cháu Hoàng Hữu T, sinh ngày 21-11-2014.

Do chị H không quan tâm đến hai con chung, Tòa án đã triệu tập chị H nhiều lần nhưng chị H không có mặt tại Tòa án. Nên ly hôn anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác, anh chị ly hôn, cháu L có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, cần giao cháu L và cháu T cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Xét thấy chị H vắng mặt tại Toà án, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Toà án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Anh Hoàng Niềm T không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản và nợ chung, mặt khác do chị H không có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Toà án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5]. Về án phí: Anh Hoàng Niềm T phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Niềm T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2.Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Phương L, sinh ngày 23-9-2012 và cháu Hoàng Hữu T, sinh ngày 21-11-2014 cho anh Hoàng Niềm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị H không phải cấp dưỡng nuôi hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Hoàng Niềm T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu nộp tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2017/0007963 ngày 17-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã VH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Phương